

PHẦN I: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

BÀI 9 (TIẾT 3): THỰC HÀNH

TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN.

1. Vẽ biểu đồ

- Chọn biểu đồ thích hợp: biểu đồ miền, đường, kết hợp đường miền.
- Vẽ biểu đồ:
 - + Yêu cầu: đẹp, chính xác. (Năm đầu trùng gốc tọa độ)
 - + Biểu đồ có tên, chỉ số, chú thích.

2. Nhận xét hoạt động kinh tế đối ngoại

HS đọc thông tin kết hợp biểu đồ → nêu khái quát hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật:

- Nhật Bản là cường quốc về thương mại:
 - + Tổng kim ngạch xuất nhập (tổng giá trị xuất nhập) ?
 - + Giá trị xuất ?
 - + Giá trị nhập ?
 - + Cán cân xuất nhập ?
- Cơ cấu hàng xuất nhập:
 - + Xuất gì ?
 - + Nhập gì ?
- Đối tác thương mại chủ yếu.
- Đầu tư của Nhật vào ASEAN và Việt Nam.

PHẦN II: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1. Bốn đảo lớn của Nhật Bản xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích là

- | | |
|--|--|
| A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. | B. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư. |
| C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư. | D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. |

Câu 2. Bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản theo thứ tự từ bắc xuống nam là

- | | |
|--|--|
| A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. | B. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư. |
| C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư. | D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. |

Câu 3. Khí hậu của Nhật Bản chủ yếu là

- | | |
|------------------------------|-----------------------------------|
| A. Hàn đới và ôn đới lục địa | B. Hàn đới và ôn đới đại dương. |
| C. Ôn đới và cận nhiệt đới. | D. Ôn đới đại dương và nhiệt đới. |

Câu 4. Nhật Bản nằm trong khu vực khí hậu

- | | | |
|-------------|---------------|-------|
| A. Gió mùa. | Lục địa. | C.Chí |
| tuyến. | D. Hải dương. | |

Câu 5. Nhận xét không đúng về một số đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản là

- A. Vùng biển Nhật Bản có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.
- B. Nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, ít mưa.
- C. Phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam có khí hậu cận nhiệt.
- D. Có nhiều thiên tai như: động đất, núi lửa, sóng thần, bão.

Câu 6. Nhận xét không chính xác về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản

là

A. Địa hình chủ yếu là đồi núi.
biển.

B. Đồng bằng nhỏ, hẹp nằm ven

C. Sông ngòi ngắn và dốc.
có trữ lượng lớn.

D. Nghèo khoáng sản nhưng than đá

Câu 7. Nhận xét không đúng về tình hình dân số của Nhật Bản là

A. Đông dân và tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển.

B. Tốc độ gia tăng dân số thấp nhưng đang tăng dần.

C. Tỷ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn.

D. Tỷ lệ trẻ em đang giảm dần.

Câu 8. Năng xuất lao động xã hội ở Nhật Bản cao là do người lao động Nhật Bản

A. Luôn độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong lao động.

B. Làm việc tích cực vì sự hùng mạnh của đất nước.

C. Thường xuyên làm việc tăng ca và tăng cường độ lao động.

D. Làm việc tích cực, tự giác, tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 9. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản đã nhanh chóng được phục hồi và đạt ngang mức trước chiến tranh vào năm

A. 1950

B. 1951

C. 1952

D. 1953

Câu 10. Những năm 1973 - 1974 và 1979 - 1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sút mạnh là do

A. Khủng hoảng tài chính trên thế giới.
thế giới.

B. Khủng hoảng dầu mỏ trên

C. Sức mua thị trường trong nước giảm.
ra nhiều.

D. Thiên tai động đất, sóng thần xảy

Câu 11. Nhận xét đúng về tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản từ sau năm 1991 là

A. Tăng trưởng ổn định và luôn ở mức cao.
động.

B. Tăng trưởng cao nhưng còn biến

C. Tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn ở mức cao.
động và ở mức thấp.

D. Tăng trưởng chậm lại, có biến

Câu 12. Năm 2005 GDP của Nhật Bản đứng thứ

A. Thứ hai thế giới sau CHLB Đức.

B. Thứ hai thế giới sau Hoa Kỳ.

C. Thứ ba thế giới sau Hoa Kỳ và CHLB Đức.

D. Thứ ba thế giới sau Hoa Kỳ và

Trung Quốc.

Câu 13. Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản đó là ngành

A. Công nghiệp chế tạo.

B. Công nghiệp sản xuất điện tử,

C. Công nghiệp công nghiệp xây dựng và công trình công cộng.

D. Công nghiệp dệt, vải các loại, sợi.

Câu 14. Ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 41% sản lượng xuất khẩu của thế giới là

A. Ô tô.

B. Tàu biển.

C. Xe gắn máy.

D. Sản

phẩm tin học.

Câu 15. Ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 25% sản lượng của thế giới và xuất

khẩu 45% số sản phẩm là ra là

- A. Tàu biển. B. Ô tô. C. Rô bốt (người máy). D. Sản phẩm tin học.

Câu 16. Sản phẩm công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 60% sản lượng của thế giới và xuất khẩu 50% sản lượng làm ra đó là

- A. Tàu biển. B. Ô tô. C. Xe gắn máy. D. Sản phẩm tin học.

Câu 17. Các sản phẩm nổi bật về ngành công nghiệp chế tạo của Nhật Bản là

- A. Tàu biển, ô tô, xe gắn máy. B. Tàu biển, ô tô, máy nông nghiệp.
C. Ô tô, xe gắn máy, đầu máy xe lửa. D. Xe gắn máy, đầu máy xe lửa, máy nông nghiệp.

Câu 18. Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của nền công nghiệp Nhật Bản là ngành

- A. Công nghiệp chế tạo máy. B. Công nghiệp sản xuất điện tử.
C. Công nghiệp xây dựng và công trình công cộng. D. Công nghiệp dệt, sợi vải các loại.

Câu 19. Các sản phẩm nổi bật trong ngành công nghiệp điện tử của Nhật Bản là

- A. sản phẩm tin học, vi mạch và chất bán dẫn, vật liệu truyền thông, rô bốt.
B. sản phẩm tin học, vô tuyến truyền hình, vật liệu truyền thông, rô bốt.
C. sản phẩm tin học, vô tuyến truyền hình, rô bốt, thiết bị điện tử.
D. sản phẩm tin học, vô tuyến truyền hình, rô bốt, điện tử dân dụng.

Câu 20. Diện tích rộng nhất, dân số đông nhất kinh tế phát triển nhất trong các vùng kinh tế của Nhật Bản đó là vùng kinh tế/đảo

- A. Kiu-xiu. B. Hôn-su. C. Xi-cô-cur. D. Hô-cai-đô.

Câu 21. Nhật bản đứng thứ hai thế giới về sản phẩm công nghiệp

- A. tin học. B. vi mạch và chất bán dẫn. C. vật liệu truyền thông. D. Rô bốt (người máy).

Câu 22. Sản phẩm công nghiệp nổi tiếng của Nhật Bản trong ngành công nghiệp điện tử và chiếm 22% sản lượng của thế giới là

- A. sản phẩm tin học. B. vi mạch và chất bán dẫn. C. vật liệu truyền thông. D. rô bốt (người máy).

Câu 23. Sản phẩm công nghiệp nổi tiếng của Nhật Bản trong ngành công nghiệp điện tử, chiếm 60% sản lượng của thế giới, được sử dụng với tỉ lệ lớn trong các ngành công nghiệp kỹ thuật cao và dịch vụ là

- A. sản phẩm tin học. B. vi mạch và chất bán dẫn. C. vật liệu truyền thông. D. rô bốt (người máy).

Câu 24. Sản phẩm nổi tiếng của ngành xây dựng và công trình công cộng của Nhật Bản chiếm khoảng 20% giá trị thu nhập công nghiệp là

- A. công trình giao thông. B. công trình công nghiệp. C. nhà ở dân dụng. D. Ý A và B.

Câu 25. Ngành công nghiệp được coi là khởi nguồn của nền công nghiệp Nhật Bản ở thế kỷ

XIX, vẫn được duy trì và phát triển là ngành

A. công nghiệp dệt.

B. công nghiệp chế tạo máy.

C. công nghiệp sản xuất điện tử.

D. công nghiệp đóng tàu biển.

Câu 26. Sản xuất các phẩm nổi bật trong ngành công nghiệp chế tạo của Nhật bản không phải là hãng

A. Hitachi

B. Toyota.

C.

Sony.

D. Nissan.

Câu 27. Sản xuất các phẩm nổi bật trong ngành công nghiệp điện tử của Nhật bản không phải là hãng

A. Sony.

B. Toshiba.

C. Toyota.

D. Hitachi.

Câu 28. Trong các ngành dịch vụ của Nhật Bản, hai ngành có vai trò hết sức to lớn là

A. thương mại và du lịch.

B. thương mại và tài chính.

C. tài chính và du lịch.

D. tài chính và giao thông

vận tải.

Câu 29. Về thương mại, Nhật Bản đứng hàng

A. thứ hai thế giới.

B. thứ ba thế giới.

C. thứ tư thế giới.

D. thứ năm thế giới

Câu 30. So với các cường quốc thương mại trên thế giới, Nhật Bản

A. đứng sau Hoa Kỳ, CHLB Đức và trước Trung Quốc.

B. đứng sau Hoa Kỳ, LB Nga, Trung Quốc.

C. đứng sau Hoa Kỳ, CHLB Đức và Trung Quốc.

D. đứng sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và trước CHLB Đức.

Câu 31. Các bạn hàng thương mại quan trọng nhất của Nhật Bản là

A. Hoa Kỳ, Canada, Ấn Độ, Braxin, Đông Nam Á.

B. Hoa Kỳ, Ấn Độ, Braxin, EU, Canada.

C. Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Đông Nam Á, Ôxtrâyliia.

D. Hoa Kỳ, Trung Quốc, CHLB Nga, EU, Braxin.

Câu 32. Ngành giao thông vận tải biển của Nhật Bản có vị trí đặc biệt quan trọng và hiện đứng

A. thứ nhất thế giới.

B. thứ nhì thế giới.

C. thứ ba thế giới.

D. thứ tư thế giới.

Câu 33. Các hải cảng lớn của Nhật Bản là Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Ô-xa-ca đều nằm ở đảo

A. Hô-cai-đô.

B. Hôn-su.

C. Xi-cô-cur.

D. Kiu-xiu.

Câu 34. Nhận xét không đúng về nền nông nghiệp của Nhật Bản là

A. đóng vai trò thứ yếu trong nền kinh tế.

B. tỉ trọng trong GDP chỉ chiếm khoảng 2%.

C. diện tích đất nông nghiệp ít, chỉ chiếm dưới 14% diện tích tự nhiên.

D. phát triển theo hướng thâm canh.

Câu 35. Cây trồng chiếm diện tích lớn nhất (50%) ở Nhật Bản là

A. lúa gạo.

B. lúa mì.

C. ngô.

D. tơ

tằm.

Câu 36. Sản lượng tơ tằm của Nhật Bản

A. đứng hàng đầu thế giới.

B. đứng hàng thứ hai thế

giới.

C. đứng hàng thứ ba thế giới.

D. đứng hàng thứ tư thế giới.

Câu 37. Nhận xét không đúng về nông nghiệp của Nhật Bản là

A. những năm gần đây một số diện tích trồng cây khác được chuyển sang trồng lúa.

B. chè, thuốc lá, dầu tằm là những cây trồng phổ biến.

C. chăn nuôi tương đối phát triển, các vật nuôi chính là bò, lợn, gà.

D. chăn nuôi theo phương pháp tiên tiến bằng hình thức trang trại.

Câu 38. Diện tích rộng nhất, dân số đông nhất kinh tế phát triển nhất trong các vùng kinh tế của Nhật Bản đó là vùng kinh tế/đảo

A. Kiu-xiu.

B. Hôn-su.

C. Xi-cô-cư.

D.

Hô-cai-đô.

Câu 39. Phát triển công nghiệp nặng, đặc biệt là khai thác than và luyện thép là đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế/đảo

A. Hô-cai-đô.

B. Hôn-su.

C. Xi-cô-cư.

D. Kiu-xiu.

Câu 40. Đứng đầu thế giới về viện trợ phát triển chính thức (ODA) là

A. Hoa Kỳ

B. Nhật Bản.

C. Trung Quốc.

D. CHLB Đức.